TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Minh
2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 826/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Ngọc P** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Lý Văn D** – sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, chị P có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lý Văn D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh D không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập chị, hiện anh chị đã ly than nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định trong thời gian chung sống, chị và anh D không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị P xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lý Văn D đúng theo quy định pháp luật nhưng anh D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lý Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/08/2016 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Chị P xác định nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D không quan tâm, chăm sóc gia đình, có quan hệ tình cảm với người người phụ nữ khác, nhưng quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến và phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị P xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh D. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Chị P xác định, trong thời gian chung sống, chị và anh D không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Ngọc P được ly hôn với anh Lý Văn D.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002511 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ, chị Võ Ngọc P không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Ngọc P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp